

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH L ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 48 /2025/HSST
Ngày: 08-5-2025

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH L ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà: **Đỗ Thị Thương H**

- Ông: **Nguyễn Ry**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị T.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hữu Việt Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh L Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2025/TLST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Đình T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/05/1972 tại thành phố Hồ Chí Minh;

NKTT và chỗ ở: số 2, đường 53, phường Tân P, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;

Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH xuất nhập khẩu VTCHEMS; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Phật giáo;

Con ông: **Đào Văn M** (Sinh năm: 1939, đã chết); Con bà: **Nguyễn Thị Kim V** (Sinh năm: 1946), hiện sống tại số 2, đường 12, chung cư B5, phường 3, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh;

Vợ: **Trần Thị Phương L** (Sinh năm: 1988); Con: có 02 người con lớn nhất sinh năm 2019 nhỏ nhất sinh năm 2024, hiện sống cùng bố mẹ tại số 2, đường 53, phường Tân P, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/09/2024 cho đến nay tại Quận 7,

thành phố Hồ Chí Minh.

2. Họ và tên: **Lê T A**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/04/1992 tại thành phố Hồ Chí Minh;

NKTT và chỗ ở: thôn 1, xã Hòa B, huyện Di L, tỉnh L Đồng.

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không;

Con ông: Nguyễn Văn Thạch (Sinh năm: 1973); Con bà: Thái Thị L, Sinh năm: 1960), Cả hai hiện sinh sống tại số 52, đường N7, phường Hiệp Thành, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh;

Vợ: V Thị L (Sinh năm: 1996), hiện sống tại thôn 1, xã Hòa B, huyện Di L, tỉnh L Đồng; Con: có 01 người con sinh năm 2023.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/09/2024 cho đến nay tại xã Hòa B, huyện Di L, tỉnh L Đồng

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Lê T A: Luật sư **Nguyễn Bá T**; thuộc Công ty Luật TNHH DL PINNACLE- Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 18A/76, tầng 3, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đào Thị Thu H**, Sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 6, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng; *Vắng mặt*

2. Bà **Phạm Kim T**, Sinh năm 1984, Địa chỉ: Thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng; *Có mặt*

3. **Công ty TNHH phân bón Thiên Mã**; Địa chỉ: Khu Công nghiệp Thái Hòa 3, Lô B221, đường số 7, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Trung T**, sinh năm 1984 Địa chỉ: 30/28D, đường Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Trung T: Ông **Lý Nguyên C**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 101/25, đường Nguyễn Chí ThA, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh; *Có mặt*

4. Ông **Nguyễn Thành V**, sinh năm 1982, Địa chỉ: Số 65 Lạc Long Quân, xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng; *Có mặt*

5. Ông **V Đình B**; Địa chỉ: Thôn 11, xã Hòa Ninh, huyện Di L, tỉnh L Đồng; *Vắng mặt*

6. Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1968 Địa chỉ: Thôn 6, xã Tân Lầm, huyện Di L, tỉnh L Đồng; *Vắng mặt*

7. Ông **V Đình N**, sinh năm 1975 Địa chỉ: Thôn 1, xã Hòa B, huyện Di L, tỉnh L Đồng; *Vắng mặt*

8. Công ty TNHH TM Phương Thảo, Địa chỉ: Số 551, đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Kiểng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Thái S**, sinh năm 1970 Minh Địa chỉ: Số 27 đường 14, phường Tân P, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đào Đình T là giám đốc Công ty TNHH xuất nhập khẩu VTCHEMS có ngành nghề buôn bán phân bón và hóa chất. Sau khi Lê T A liên hệ đặt mua 09 (chín) tấn phân bón DAP 18-46-0 với giá 7.000 đồng/kg thì T tra cứu trên mạng xã hội tìm kiếm và liên hệ với Công ty TNHH đầu tư và thương mại Phương Thảo để mua 09 (chín) tấn phân bón có thành phần chính gồm: đạm, lân hữu cơ xuất xứ Trung Quốc với giá tiền 51.300.000 đồng. Bị cáo T đã tìm mua được 180 vỏ bao bì có đặc điểm tên phân bón là DAP, hàm lượng 18-46-0, màu trắng sọc vàng, có các dòng chữ PHILIPPINES chạy dọc thân bao của một số lái xe (không rõ nhân thân lai lịch) tại Khu công nghiệp Thái Hòa 3 ở Long An hết 1.860.000đ (gồm lần thứ nhất mua 80 vỏ bao với giá 9.500 đồng/bao hết 760.000 đồng; Lần thứ 2 mua 100 vỏ bao với giá 11.000 đồng/bao hết 1.100.000 đồng) .

Đến ngày 04/01/2024, T mua của Công ty Cổ phần tập đoàn VINACAM (địa chỉ: 26 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) 03 (ba) tấn phân bón DAP 18-46-0, xuất xứ RUSSIA (Nga), là phân bón nhập khẩu đảm bảo chất lượng, chính ngạch có đầy đủ giấy tờ pháp lý kèm theo. Sau đó, T lấy các giấy tờ liên quan và thông tin của lô phân bón này rồi tự thiết kế, in hình con dấu của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Việt T Chemical do T làm giám đốc, để làm tem phụ gắn vào từng bao lô phân bón DAP 18 – 46 - 0 mà T làm bán cho Lê T A.

Khi có đủ nguyên liệu, bao bì và tem phụ, T liên hệ với Phạm Trung T, Giám đốc Công ty TNHH phân bón Thiên Mã ký hợp đồng thuê máy móc, nhân công thực hiện việc gia công, đóng gói bao bì với giá 500.000 đồng/tấn, còn về vỏ bao bì và chất lượng sản phẩm thì do Đào A T chịu trách nhiệm. Sau đó, T thuê xe chở nguyên liệu phân bón, bao bì, tem phụ đến chi nhánh sản xuất của Công ty TNHH phân bón Thiên Mã để đóng gói bao bì. Tổng chi phí để đóng gói 09 (chín) tấn phân bón DAP 18-46-0 là 4.500.000 đồng. Hình thức đóng gói được thỏa thuận là mỗi bao phân bón có trọng lượng nguyên liệu 50kg, không tuân theo công thức, hàm lượng, quy chuẩn nào.

Sau khi sản xuất xong số phân bón, T bán cho Lê T A 02 lần với tổng số tiền là giá 63.000.000 đồng (*chưa bao gồm chi phí vận chuyển, bốc vác và xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng với đơn giá ghi trong hóa đơn là 4.600 đồng/kg*) gồm:

Lần thứ 1: Vào ngày 08/01/2024, bị cáo T bán cho bị cáo Lê T A 04 tấn phân bón DAP 18-46-0. Sau khi nhận hàng, thông qua giới thiệu của Nguyễn Thị ThA

H, là cộng tác viên tiếp thị phân bón của Công ty TNHH xuất nhập khẩu VICHEMS, vào tháng 3/2024, T A bán cho chị Phạm Kim T 02 tấn phân bón DAP 18-46-0 với giá 28.000.000. Việc mua bán có xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000019 ngày 13/3/2024 và hóa đơn giá trị gia tăng số 00000044 ngày 03/06/2024 do Công ty TNHH xuất nhập khẩu VTCHEMS ghi giá là 4.600 đồng/kg (giá hóa đơn ghi không đúng với thực tế). Trong lần mua bán này, H được hưởng hoa hồng môi giới là 300đ/01kg.

Lần thứ 2: Vào ngày 16/04/2024, bị cáo Đào Đình T bán cho bị cáo Lê T A 05 tấn phân bón DAP 18-46-0. Sau khi nhận hàng, Lê T A đã bán và sử dụng số phân bón như sau:

- Bán cho Nguyễn ThA V 750kg với giá 11.000đ/01kg được 8.250.000đ;
- Bán cho V Đình B 01 tấn với giá 11.000đ/01kg để trừ tiền nợ cho gia đình bố vợ (V Đình N) được 11.000.000đ.
- Bán cho Nguyễn Thị Thùy D 03 tấn với giá 11.000đ/01kg được 33.000.000đ, nhưng chưa lấy được tiền.
- Cho bố vợ là V Đình N 01 tấn phân bón DAP 18-46-0 để bón vườn.

Ngoài ra, bị cáo Lê T A bán lẻ phân bón DAP 18-46-0 cho một số hộ dân (không rõ nhân thân lai lịch) khác khoảng 500kg cùng với giá 11.000đ/01kg được 5.500.000đ. Số còn lại T A sử dụng bón phân cho vườn của T A hết.

Tổng cộng, từ tháng 01/2024 đến tháng 04/2024, Lê T A đã bán được 7.250kg phân bón DAP 18-46-0 với tổng số tiền 85.750.000 đồng, đã thu được 52.750.000đ, chi phí vận chuyển 3.600.000đ.

Đến ngày 12/08/2024, bị cáo Lê T A tự nguyện giao nộp 01 (một) bao phân bón DAP 18-46-0, xuất xứ PHILIPPINES đã mua của Đào Đình T còn nguyên V, chưa qua sử dụng.

Theo Thông báo kết quả giám định số: 00094/N3.24/TD ngày 22/07/2024 và số: 00114/N3.24/TD ngày 30/08/2024 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Quatest 3 kết luận đối với 39 bao phân bón DAP 18-46-0, xuất xứ PHILIPPINES (38 bao thu tại cửa hàng Phạm Kim T và 01 bao do Lê T A giao nộp): Mẫu giám định có kết quả các chỉ tiêu (hàm lượn nitơ (N) tổng, % (m/m) (6,95/ *mức quy định 18*) và Hàm lượng phot pho hữu hiệu tính theo o xít photphoric (P2O5), % (m/m) là (0,84/ *mức quy định là 46*) không phù hợp với mức quy định.

Theo công văn số 2156/SNN-TTBVTV ngày 30/08/2024 và 407/SNN-TTBVTV ngày 09/09/2024 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L Đồng kết luận: Loại phân bón mẫu “Phân bón DAP” được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, kết luận giám định là phân bón có hàm lượng 02 chất chính lần lượt là đạm tổng số (Ns) đạt 42,63%, hàm lượng lân hữu hiệu (P2O5hh) đạt 1,92% so với mức tối thiểu quy định tại STT1, Bảng 4, Phụ lục I của QCVN 01-

189:2019/BNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT, nên là phân bón giả theo quy định.

Theo kết luận định giá tài sản số 56/KL- HĐ ĐGTS ngày 13/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bảo L kết luận:

- Giá trị 01 kg phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE vào thời điểm tháng 6/2024 là 21.500 đồng/kg.

- Giá trị 1.900kg (tương đương 38 bao) phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE vào thời điểm tháng 6/2024 là 40.850.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 39 bao phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE, loại 50kg/01 bao (tương đương 1.950kg) bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L thu giữ có tổng trị giá là 41.925.000 đồng.

Đối với số phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE mà Đào Đình T và Lê A T khai nhận đã mua bán còn lại là 7.050kg (9.000kg - 1.950kg bị thu giữ), sau khi mua, các hộ dân đã sử dụng hết không thu hồi được, nên không có căn cứ để giám định. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đào Đình T, Lê A T đối với số lượng phân bón này.

Ngoài ra, Đào Đình T và Lê T A còn T hành giao dịch mua bán một số loại phân bón NPK như NPK 16-16-8; 16-16-16; 17-17-17;... Sau đó, T A đã bán lẻ cho nhiều người khác và sử dụng hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L không thu giữ được mẫu vật để trưng cầu giám định nên không có căn cứ để xử lý.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKSBL ngày 11/03/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh L Đồng truy tố bị cáo Đào Đình T về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón*”, theo điểm a khoản 1 điều 195 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê T A về tội “*buôn bán hàng giả là phân bón*”, theo điểm a khoản 1 điều 195 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L giữ quyền công tố luận tội và trA luận vẫn giữ nguyên nội dung như Cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đào Đình T phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón*”; bị cáo Lê T A phạm tội “*Buôn bán hàng giả là phân bón*”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 195, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đào Đình T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án; Đề nghị xử phạt bị cáo Lê T A từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Hình phạt bổ sung: đề nghị xử phạt bị cáo Đào Đình T số tiền từ 50-60 triệu; bị cáo Lê T A số tiền từ 30-40 triệu đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê T A trình bày : Đề nghị HĐXX xem xét thêm cho bị cáo Lê T A các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như khi mua bán phân bón bị cáo Lê T A không biết đó là phân giả vì bị cáo T cung cấp hóa đơn chứng từ, hình ảnh mẫu bao bì, sản phẩm như hàng chất lượng nên đề nghị áp dụng tình tiết quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra. Bị cáo Lê T A có thời gian tham gia nghĩa vụ công an, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, sức khỏe suy yếu do tai nạn giao thông nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo để cho bị cáo được hưởng phạt tiền hoặc hình phạt tù cho hưởng án treo.

- Các bị cáo Đào Đình T, Lê T A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

- Chủ tọa công bố lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, lời trình là trùng khớp với lời khai của các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhận thức được hành vi phạm tội là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bảo L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản lời khai, vật chứng, tài liệu thu giữ trong hồ sơ thể hiện: Nhằm mục đích tư lợi, từ tháng 01/2024 đến tháng 4/2024, bị cáo Đào Đình T đã tự mua nguyên liệu, bao bì, làm tem phụ và thuê máy móc, nhân công đóng gói để sản xuất hàng giả là phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE tại thành phố Hồ Chí Minh và bán cho bị cáo Lê T A với số lượng 9.000kg được 63.000.000 đồng, thu lợi 58.500.000 đồng (trừ chi phí thuê máy móc đóng gói có hợp đồng là 4.500.000đ). Bị cáo Lê T A đã tặng cho, sử dụng và bán

lại 7.250kg phân bón trên cho các hộ dân ở huyện Bảo L và huyện Di L, tỉnh L
Đông với tổng số tiền 85.750.000 đồng, đã thu được 52.750.000đ (trừ chi vận
chuyển 3.600.000đ), thu lợi 49.150.000 đồng. Tuy nhiên Cơ quan cảnh sát điều tra
chỉ thu giữ được 39 bao phân bón DAP 18-46-0, xuất xứ PHILIPPINES, loại
50kg/01 bao (tương đương 1.950kg).

Theo Thông báo kết quả giám định số: 00094/N3.24/TD ngày 22/07/2024 và
số: 00114/N3.24/TD ngày 30/08/2024 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường
chất lượng 3 – Quatest 3 kết luận đối với 39 bao phân bón DAP 18-46-0, xuất xứ
PHILIPPINES (38 bao thu tại cửa hàng Phạm Kim T và 01 bao do Lê T A giao
nộp): Mẫu giám định có kết quả các chỉ tiêu (hàm lượn nitơ (N) tổng, % (m/m)
(6,95/ *mức quy định 18*) và Hàm lượng phot pho hữu hiệu tính theo o xít photphoric
(P2O5), % (m/m) là (0,84/ *mức quy định là 46*) không phù hợp với mức quy định.

Theo công văn số 2156/SNN-TTBVTV ngày 30/08/2024 và số 407/SNN-
TTBVTV ngày 09/09/2024 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L
Đông kết luận: Loại phân bón mẫu “Phân bón DAP” được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu
chuẩn Đo lường Chất lượng 3, kết luận giám định là phân bón có hàm lượng 02 chất
chính lần lượt là đạm tổng số (Ns) đạt 42,63%, hàm lượng lân hữu hiệu (P2O5hh) đạt
1,92% so với mức tối thiểu quy định tại STT1, Bảng 4, Phụ lục I của QCVN 01-
189:2019/BNNT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT, nên là
phân bón giả theo quy định.

Theo kết luận định giá tài sản số 56/KL- HĐ ĐGTS ngày 13/9/2024 của Hội
đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bảo L kết luận:

- Giá trị 01 kg phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE vào thời điểm
tháng 6/2024 là 21.500 đồng/kg.

- Giá trị 1.900kg (tương đương 38 bao) phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0,
PHILIPPINE vào thời điểm tháng 6/2024 là 40.850.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 39 bao phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE,
loại 50kg/01 bao (tương đương 1.950kg) bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an
huyện Bảo L thu giữ có tổng trị giá là 41.925.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo vi phạm pháp luật hình sự, đã xâm phạm đến chính
sách quản lý kinh tế của Nhà nước trên lĩnh vực sản xuất buôn bán hàng hoá là
phân bón, gây thiệt hại cho xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển tình hình kinh tế, xã
hội. Do vậy hành vi nêu trên của các bị cáo Đào Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội
Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 195
BLHS và bị cáo Lê T A đã đủ yếu tố cấu thành tội buôn bán hàng giả là phân bón
theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 195 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát
nhân dân huyện Bảo L đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp
luật.

[3] Xét tính chất của vụ án nghiêm trọng, hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo Đào Đình T, Lê T A là người trưởng thành có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện chứng tỏ các bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi sản xuất buôn bán hàng giả là phân bón đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thiệt hại cho xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội, nhất là ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng cây trồng của người nông dân và người tiêu dùng; ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của nhãn hàng, các doanh nghiệp sản xuất buôn bán hàng hoá là phân bón đảm bảo chất lượng đồng thời gây mất lòng tin của người tiêu dùng đối với cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh phân bón. Do vậy, cần thiết phải trừng trị nghiêm khắc hành vi phạm tội, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, thực hiện kinh doanh đúng quy định của pháp luật, có ý thức tuân thủ pháp luật và ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật nên cần phải xét xử và áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với giấy hẹn khám lại, giấy ra viện bản phô tô họ tên người bệnh Lê T A của Bệnh viện quân y 175 do bị cáo Lê T A cung cấp thì bị cáo Lê T A bị bệnh Sỏi niệu quản phải 1/3 trên- hẹp niệu quản phải thì bệnh trên không thuộc danh mục bệnh hiểm nghèo nên HĐXX không xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Lê T A.

Đối với Giấy khen tặng DA hiệu Bà mẹ Việt N A hùng cho bà Nguyễn Thị Hữu Tài là em ruột của ông Ngoại bị cáo T, bằng Tổ quốc ghi công liệt sĩ Phan Văn Giỏi là ông cố ngoại bị cáo T thì bị cáo T không xuất trình được quan hệ nhân thân và nhân thân của những người trên cũng không đủ điều kiện để xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đào Đình T.

Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Lê T A thì bị cáo Lê T A kinh doanh phân bón là mặt hàng có điều kiện, bị cáo buôn bán khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tự đặt sản phẩm theo yêu cầu của bị cáo đối với bên cung cấp là bị cáo Đào Đình T mà không xem xét về chất lượng, quy chuẩn hàng hóa sản phẩm, mua giá thấp bán ra giá cao để thu lợi nên bị cáo T A nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đồng thời luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự bị cáo có con nhỏ, vợ không có việc

làm, sức khỏe giảm sút nhưng bị cáo không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp để chứng minh do vậy HĐXX không có căn cứ để áp dụng cho bị cáo Lê T A.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Quá trình điều tra xác định được vai trò của các bị cáo như sau:

Đây là vụ án không phải đồng phạm, hành vi của các bị cáo riêng lẻ từng giai đoạn. Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy rằng bị cáo Đào Đình T là chủ mưu trực tiếp trong việc sản xuất, buôn bán phân bón và thu lợi bất chính. Được bị cáo Lê T A đặt mua hàng hóa là phân bón giá rẻ bị cáo T đã thực hiện việc sản xuất phân bón giả và bán trực tiếp cho bị cáo Lê T A. Bị cáo Lê T A sau khi mua hàng giả từ bị cáo T đã trực tiếp bán, tặng cho những người có nhu cầu sử dụng phân bón bán với giá chênh lệch cao hơn để thu lợi bất chính. Nên đánh giá vai trò của bị cáo Đào Đình T là lớn hơn, nguy hiểm hơn so với vai trò của bị cáo Lê T A. Các bị cáo thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội còn ảnh hưởng đến nền sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến cây trồng của người nông dân, ảnh hưởng đến uy tín nhãn hiệu hàng hóa và ảnh hưởng đến uy tín của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp buôn bán, sản xuất hàng hóa là phân bón đạt tiêu chuẩn do cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L thấy rằng: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Đào Đình T còn chưa tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra nên cần xử phạt hơn so với mức đề nghị; Đối với mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Lê A T là phù hợp với nhân thân và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra cũng như ý thức của các bị cáo đủ để răn đe, phòng ngừa riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, cũng như việc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với ông V Đình N, ông Nguyễn ThA V, ông Nguyễn Thị Thùy D, ông V Đình B mua phân bón của bị cáo Lê T A về sử dụng và không biết số phân bón nói trên là hàng giả về chất lượng, chịu thiệt hại do mua phân bón giả. Tuy nhiên, quá trình làm việc các trường hợp trên không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không có căn cứ xem xét. Do vậy HĐXX không xem xét.

[10] Về Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy tang vật của vụ án:

- 1950 kg (tương đương 39 bao, loại 50kg/01 bao) phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE;

- 01 (một) con dấu của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Việt T CHEMICAL do Đào Đình T tự nguyện giao nộp vào ngày 07/08/2024.

- Số tiền thu lợi 80.000.000đ trong đó bị cáo Lê T A nộp 30.000.000 đồng tại giấy nộp tiền ngày 03/01/2025 và số tiền bị cáo Đào Đình T nộp 50.000.000 đồng tại giấy ủy nhiệm chi ngày 10/3/2025 của Ngân hàng nông nghiệp Việt N- CN Bảo L vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L là số tiền nộp khắc phục hậu quả nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[11] Trong vụ còn có các hành vi khác, cụ thể như sau:

Đối với Công ty TNHH xuất nhập khẩu VTCHEMS do Đào Đình T làm giám đốc đã có hành vi vi phạm hành chính: “Không lập hóa đơn khi bán hàng hóa và Lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ sai về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khai thuế thấp hơn thực tế và bị phát hiện sau thời hạn nộp hồ sơ khai thuế;” quy định tại điểm c, khoản 1, khoản 2 của nghị định số 03/VBHN-BTC ngày 02/01/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC về thuế, hóa đơn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L chuyển hồ sơ đến Chi cục thuế khu vực quận 7, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định. Do vậy HĐXX không xem xét.

Đối với Phạm Kim T và Nguyễn Thị ThA H có hành vi “Buôn bán phân bón không có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt N” là vi phạm quy định tại điểm a, khoản 3, điều 22 thuộc nghị định 31/2023/NĐ-CP ngày 09/06/2023 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L chuyển hồ sơ đến UBND huyện Bảo L để xử lý theo quy định. Do vậy HĐXX không xem xét.

Đối với Công ty TNHH đầu tư thương mại Phương Thảo có hành vi “Lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ” quy định tại điểm a, khoản 4, điều 24 Nghị định số 03/VBHN-BTC ngày 02/01/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt Vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L chuyển hồ sơ đến Chi cục thuế khu vực quận 7, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định. Do vậy HĐXX không xem xét.

Đối với Phạm Trung T và Nguyễn Thái Ngọc cho thuê máy móc, nhân công và không chịu trách nhiệm về quá trình đóng gói và chất lượng của số phân bón mà Đào Đình T sản xuất nên không đủ yếu tố cấu thành tội sản xuất hàng giả là phân bón. Do vậy HĐXX không xem xét.

[12] Về án phí, lệ phí tòa án: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Đình T phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 195, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

1.1 Xử phạt bị cáo **Đào Đình T 21** (*Hai mươi một*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Đào Đình T số tiền 40.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Tuyên bố bị cáo **Lê T A** phạm tội “*Buôn bán hàng giả là phân bón*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 195, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

1.2 Xử phạt bị cáo **Lê T A 15** (*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê T A số tiền 30.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu và tiêu hủy:

- 1950 kg (tương đương 39 bao, loại 50kg/01 bao) phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE;

- 01 (một) con dấu của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Việt T CHEMICAL do Đào Đình T tự nguyện giao nộp vào ngày 07/08/2024.

* Tịch thu và sung Ngân sách nhà nước:

- Số tiền 80.000.000đ trong đó bị cáo Lê T A nộp 30.000.000 đồng và bị cáo Đào Đình T nộp 50.000.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Đào Đình T, Lê T A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

(*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan*)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh L Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Vi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh L Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Người bị hại;*
- *Lưu hồ sơ.*

Trần Thị Hà Vi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Phan Thị Hà Hồ Đình Quảng

Trần Thị Hà Vi

